

Số: 109/2025/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12;

Căn cứ Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12;

Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Xét Tờ trình số 402/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh Về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2026-2030.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đáp ứng điều kiện quy định trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

b) Các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

c) Các cá nhân sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thuộc đối tượng miễn, giảm giá vé theo quy định.

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Kinh phí hỗ trợ phải được thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật, tiết kiệm, công khai minh bạch, đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả.

2. Dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải phù hợp với danh mục mạng lưới tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và lộ trình chuyển đổi năng lượng xanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân có phương tiện, kết cấu hạ tầng được hỗ trợ lãi suất đầu tư chấm dứt phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trước khi hết thời hạn hỗ trợ lãi suất thì thời gian hỗ trợ lãi suất được tính đến thời điểm ngừng phục vụ hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

4. Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ cao nhất.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt

1. Điều kiện được hỗ trợ

Chủ dự án là đơn vị vận tải có trụ sở chính hoặc chi nhánh đặt tại tỉnh Bắc Ninh và được Sở Xây dựng cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trong đó có loại hình kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; phải đầu tư phương tiện chưa qua sử dụng, được cấp có thẩm quyền chấp thuận hoạt động trên các tuyến vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt dự án theo quy định.

2. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất

Được tính theo tổng số tiền vay nhưng tối đa không vượt quá 100% tổng kinh phí đầu tư phương tiện theo gói thầu trúng thầu dự án được phê duyệt và tối đa không quá 20 tỷ đồng.

3. Mức hỗ trợ lãi suất

Hỗ trợ lãi suất 100% mức lãi suất theo hợp đồng ký kết giữa chủ dự án và tổ chức tín dụng, nhưng không vượt quá mức lãi suất cho vay trung bình của 04 Ngân hàng, gồm: Ngân hàng BIDV; Ngân hàng Vietcombank; Ngân hàng Vietinbank và Ngân hàng Agribank trong năm quyết toán.

4. Thời gian hỗ trợ lãi suất

Thời gian hỗ trợ theo thời hạn hợp đồng vay vốn của tổ chức tín dụng nhưng tối đa không quá thời gian khấu hao của phương tiện, không quá thời gian hợp đồng cung cấp dịch vụ đã ký kết, không vượt quá thời gian vay vốn thực tế của từng khoản vay và tối đa không quá 60 tháng, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Thời điểm bắt đầu hỗ trợ được thực hiện sau khi Chủ dự án hoàn thành việc đầu tư phương tiện xe buýt theo gói trúng thầu dự án được phê duyệt và đưa vào vận hành khai thác.

Điều 4. Hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

1. Điều kiện được hỗ trợ

Chủ dự án là đơn vị có trụ sở chính hoặc chi nhánh đặt tại tỉnh Bắc Ninh. Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt dự án theo quy định.

2. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất

Được tính theo tổng số tiền vay nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng giá trị quyết toán đối với dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và tối đa không quá 10 tỷ đồng.

3. Mức hỗ trợ lãi suất

Hỗ trợ lãi suất 70% mức lãi suất cho vay theo hợp đồng ký kết giữa chủ dự án và tổ chức tín dụng, nhưng không vượt quá mức lãi suất cho vay trung bình của 04 Ngân hàng, gồm: Vietcombank, BIDV, Vietinbank, Agribank trong năm quyết toán.

4. Thời gian hỗ trợ lãi suất

Thời gian hỗ trợ theo thời hạn hợp đồng vay vốn của tổ chức tín dụng theo thời gian vay vốn thực tế của từng khoản vay, nhưng tối đa không quá 60 tháng.

Thời điểm bắt đầu hỗ trợ được thực hiện sau khi Chủ dự án hoàn thành việc quyết toán hoàn thành dự án.

Điều 5. Hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Điều kiện được hỗ trợ

a) Đảm bảo các quy định hiện hành trong hoạt động kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

b) Tuyến xe buýt được hỗ trợ:

Tuyến xe buýt đang hoạt động có hỗ trợ giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Các tuyến xe buýt có hỗ trợ giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký hợp đồng giao thầu theo quy định với đơn vị khai thác.

2. Mức hỗ trợ

a) Mức hỗ trợ bằng chênh lệch âm giữa doanh thu để tính toán trợ giá và chi phí định mức của từng tuyến.

b) Công thức tính:

Kinh phí hỗ trợ chi phí = Tổng chi phí lượt xe (đã tính lợi nhuận định mức) - doanh thu tính toán trợ giá.

Trong đó:

Tổng chi phí lượt xe: Căn cứ số lượt từng loại xe buýt chạy và số km của từng tuyến để xác định chi phí. Các khoản chi phí lượt xe và lợi nhuận định mức được xác định theo quy định tại Quyết định ban hành định mức kinh tế - Kỹ thuật áp dụng cho vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Doanh thu thực tế: Là doanh thu từ bán vé tháng, vé lượt của tuyến xe buýt.

Doanh thu khoán: Là mức doanh thu tối thiểu được ấn định cho từng tuyến xe buýt khi thực hiện ký hợp đồng giao thầu giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đơn vị khai thác với các tuyến xe buýt có trợ giá. Mức khoán doanh thu khoán có thể được điều chỉnh khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép điều chỉnh để phù hợp với thực tế vận hành khai thác.

Doanh thu để tính toán trợ giá: Được xác định bằng phương pháp so sánh giữa doanh thu thực tế và doanh thu khoán, nếu doanh thu thực tế lớn hơn doanh thu khoán thì lấy theo doanh thu thực tế, trường hợp doanh thu thực tế nhỏ hơn doanh thu khoán thì lấy theo doanh thu khoán.

3. Thời hạn hỗ trợ

Thời hạn hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các tuyến xe buýt quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo hợp đồng giao thầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết với đơn vị kinh doanh vận tải khai thác trên tuyến.

Điều 6. Hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé

1. Mức hỗ trợ

a) Miễn tiền vé đối với trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng.

b) Giảm 50% giá vé đối với người có công với cách mạng, người cao tuổi, học sinh, sinh viên là công dân Việt Nam sử dụng vé tháng khi tham gia giao thông bằng xe buýt.

2. Các tuyến xe buýt được áp dụng

a) Tuyến xe buýt đang hoạt động có hỗ trợ giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

b) Các tuyến xe buýt có hỗ trợ giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký hợp đồng giao thầu theo quy định với đơn vị khai thác.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định của pháp luật, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh Khóa XIX, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Ninh;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND; UBND các xã, phường;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh (01 bản);
- Lãnh đạo, chuyên viên VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Oanh